TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH TRỊ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26-04-2022
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Tùng

Bà Nguyễn Thị Hương Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Mỹ Anh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 04 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 04 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 15-04-2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lư Thị Kiều T, sinh ngày 29 tháng 11 năm 1998 (vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 11-03-2022).

Địa chỉ: Ấp A, xã Vĩnh L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn N, sinh ngày 15-02-1998 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 07-02-2022 cũng như quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lư Thị Kiều T trình bày:

Chị và anh N cưới nhau, sau đó đến ngày 31-01-2019 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Soc Trăng, hôn nhân tự nguyện, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng đã ly từ tháng

01 năm 2021 đến nay không còn quan tâm nhau. Do hôn nhân không hạnh phúc, nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con tên Đỗ Đình N, sinh ngày 18-01-2020, hiện sống với chị, chị xin nuôi con, khi khởi kiện chị có yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, nay chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nữa, do chị có đủ điều kiện nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Đỗ Văn N vắng mặt không có lời trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng anh N chưa thực hiện theo giấy triệu tập Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị T được ly hôn với anh N, lý do ly thân thời gian dài, tình cảm vợ chồng không còn. Về con chung giao cho chị T được quyền nuôi dưỡng con chung, tài sản chung và nợ chung không xem xét do chị T không yêu cầu. Về cấp dưỡng nuôi con khi khởi kiện chị T có yêu cầu, nhưng nay chị T có đơn không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con, nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ phần yêu cầu của chị T về cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị T yêu cầu ly hôn với anh N. Quan hệ tranh chấp được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị T có đơn xin vắng mặt, bị đơn anh N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với chị T và anh N.

[2] Về quan hệ hôn nhân, căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 19, ngày 31-01-2019 của Ủy ban nhân dân xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng thể hiện anh N và chị T đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, do vậy hôn nhân hợp pháp. Lời trình bày của chị T trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, luôn bất đồng ý kiến nên ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Sau ly thân, vợ chồng không còn quan tâm thăm hỏi, lo lắng cho nhau, không còn tình thương yêu vợ chồng.

[3] Theo biên xác minh ngày 01-04-2022 của Tòa án đối với bà Đào Thị T1 mẹ ruột của anh N, bà T1 xác nhận vợ chồng anh N và chị T có cãi vã đã ly

thân nhau, gia đình và anh N có hàn gắn nhưng không được, các thông báo, giấy mời của Tòa án về việc chị T xin ly hôn với anh N bà có nhận và đều thông báo cho anh N biết và anh N cũng đồng ý ly hôn do có hàn gắn nhưng chị T không đồng ý. Tòa án đã tiến hành mời hòa giải nhưng anh N vẫn vắng mặt. Mặt khác, thời gian vợ chồng ly thân từ đầu năm 2021 đến nay, mạnh người nào chỉ biết bổn phận của người đó, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, không làm tròn nghĩa vụ của vợ chồng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chị T xin ly hôn là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh N.

[4] Về con chung: Căn cứ giấy khai sinh bản sao của Ủy ban nhân dân xã Thanh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng và lời trình bày của chị T; giữa anh N và chị T có 01 con chung tên Đỗ Đình N, sinh ngày 18-01-2020, hiện đang sống với chị T. Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng con, còn anh N không có ý kiến phản hồi, xét con sống với chị T đã ổn định về vật chất, lẫn tinh thần và con dưới 36 tháng tuổi, yêu cầu của chị T là phù hợp, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *"Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con;..."* nên Hội đồng xét xử giao con cho chị T nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng chị T yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con hàng năm theo quy định của pháp luật, nhưng vào ngày 26-04-2022 chị T có gởi đơn xin rút lại yêu cầu không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con, do chị có đủ điều kiện để nuôi con. Xét việc rút yêu cầu của chị T là tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ phần yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T không xem xét. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét do các đương sự không có yêu cầu.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T là người yêu cầu xin ly hôn nên chị T phải chịu án phí 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

[8] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị có căn cứ pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lư Thị Kiều T được ly hôn với anh Đỗ Văn N.

2. Về quyền nuôi con: Giao cho chị Lư Thị Kiều T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con tên Đỗ Đình N, sinh ngày 18-01-2020 đến khi con đủ 18 tuổi. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Đình chỉ phần yêu cầu cấp dưỡng nuôi con do chị T rút lại yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét do đương sự không yêu cầu.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lư Thị Kiều T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001242 ngày 08-02-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, chị T nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với chị Lư Thị Kiều T và anh Đỗ Văn N vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. (Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng (1);
- VKSND huyện Thạnh Trị (1);
- Chi Cục THADS huyện Thạnh Trị (1);
- UBND xã Thạnh T (1);
- Đương sự (2);
- Lưu HSVA, Văn phòng (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Nam